

# PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 52/2008/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2008

### QUYẾT ĐỊNH

**ban hành Chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học,  
cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành  
Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh**

### BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; *năm 2008 của Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình các môn Lý luận chính trị;*

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ biên bản họp ngày 11 tháng 8

Căn cứ ý kiến của Ban Tuyên giáo Trung ương tại Công văn số 2450/CV-BTGTW ngày 25 tháng 8 năm 2008;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, gồm các môn:

1. Môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin.

2. Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

1. Quyết định này được áp dụng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trình độ đại học, cao đẳng từ khóa tuyển sinh năm học 2008 - 2009.

2. Đối với sinh viên trình độ đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh từ khóa tuyển sinh năm 2007 trở về trước áp dụng các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm: Quyết định số 45/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/10/2002 về việc ban hành chương trình môn Triết học Mác-Lênin; Kinh tế Chính trị Mác-Lênin (khối ngành KT-QTKD và các ngành không chuyên KT-QTKD) trình độ đại học; Quyết định số 34/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 31/7/2003 về việc ban hành đề cương môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học trình độ đại học; Quyết định số 41/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 27/8/2003 về việc ban hành đề

cương chi tiết học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trình độ ĐH; Quyết định số 35/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 31/7/2003 về việc ban hành đề cương chi tiết môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh trình độ đại học, cao đẳng; Quyết định số 19/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/9/2003 về việc ban hành chương trình môn Triết học Mác-Lênin; Kinh tế Chính trị Mác-Lênin (khối ngành KT-QTKD và khối ngành không chuyên KT-QTKD) trình độ cao đẳng; Quyết định số 45/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/9/2003 về việc ban hành đề cương môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học trình độ cao đẳng; Quyết định số 47/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 22/10/2003 về việc ban hành đề cương môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trình độ cao đẳng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các đại học, học viện, Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC

Bành Tiến Long

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

### những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin

(ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Tên môn học: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin
2. Thời lượng: 5 tín chỉ (phần 1: 2 tín chỉ; phần 2 và 3: 3 tín chỉ).
  - Nghe giảng: 70%
  - Thảo luận: 30%
3. Trình độ: Dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trình độ đại học, cao đẳng.
4. Mục tiêu của môn học:

Môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm giúp cho sinh viên:

  - Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng;
  - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên;
  - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.
5. Điều kiện tiên quyết: Bố trí học năm thứ nhất trình độ đào tạo đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; là môn học đầu tiên của chương trình các môn Lý luận chính trị trong trường đại học, cao đẳng.
6. Mô tả vắn tắt nội dung: Ngoài 1 chương mở đầu nhằm giới thiệu khái quát về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin; phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; phần thứ ba có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội

và I chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

#### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Phải nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng;

- Suu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên;

- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế.

#### 8. Tài liệu học tập:

- Chương trình môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản.

- Tài liệu tham khảo: Giáo trình các môn học Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2007; các tài liệu phục vụ dạy và học Chương trình Lý

luận chính trị do Bộ Giáo dục và Đào tạo trực tiếp chỉ đạo, tổ chức biên soạn.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên: Theo quy chế đào tạo đại học, cao đẳng.

#### 10. Nội dung chi tiết chương trình:

##### Chương mở đầu

### NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

Chương mở đầu Nhập môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm giải quyết 3 vấn đề thông lệ của một môn học trước khi đi vào các nội dung cụ thể, đó là: học cái gì (đối tượng của môn học)?; học để làm gì (mục đích của môn học)?; và, cần phải học thế nào để đạt được mục đích đó (những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học)?.

Chương này mở đầu bằng việc trình bày khái lược các nội dung trọng tâm và quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm tạo ra cái nhìn tổng quát về đối tượng và phạm vi của môn học.

Mục đích của môn học này được xác lập trên cơ sở vị trí của nó trong cấu tạo khung chương trình thống nhất của 3

môn học Lý luận chính trị dùng cho đối tượng sinh viên không chuyên sâu các chuyên ngành: Triết học, Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Yêu cầu của môn học này đề cập những nguyên tắc cơ bản cần phải thực hiện khi triển khai dạy và học, làm cơ sở chung cho việc xác lập phương pháp, quy trình cụ thể trong hoạt động dạy và học sao cho có thể đạt được mục đích của môn học này.

## I. KHÁI LƯỢC VỀ CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

1. Chủ nghĩa Mác-Lênin và ba bộ phận lý luận cấu thành

a) Chủ nghĩa Mác-Lênin

Chủ nghĩa Mác-Lênin “là hệ thống quan điểm và học thuyết” khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và sự phát triển của V.I.Lênin; là sự kế thừa và phát triển những giá trị của lịch sử tư tưởng nhân loại, trên cơ sở thực tiễn của thời đại; là khoa học về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động và giải phóng con người; là thế giới quan và phương pháp luận phổ biến của nhận thức khoa học;

b) Ba bộ phận lý luận cơ bản cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin

- Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm hệ thống tri thức phong phú về nhiều lĩnh vực, nhưng trong đó có ba bộ phận lý luận quan trọng nhất là: triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học;

- Đối tượng, vị trí, vai trò và tính thống nhất của ba bộ phận lý luận cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin.

2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin

a) Những điều kiện, tiền đề của sự ra

đời chủ nghĩa Mác \* www.ThuVienPhapLu.com

- Điều kiện kinh tế - xã hội;

- Tiền đề lý luận: Triết học cổ điển Đức, Kinh tế chính trị học cổ điển Anh, Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp;

- Tiền đề khoa học tự nhiên.

b) C.Mác, Ph.Ăngghen với quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác

- C.Mác, Ph.Ăngghen với quá trình hình thành chủ nghĩa Mác;

- C.Mác, Ph.Ăngghen với quá trình phát triển chủ nghĩa Mác.

c) V.I Lênin với việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện lịch sử mới

- Bối cảnh lịch sử mới và nhu cầu bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác;

- Vai trò của V.I Lênin đối với việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện lịch sử mới.

d) Chủ nghĩa Mác-Lênin và thực tiễn phong trào cách mạng thế giới

- Chủ nghĩa Mác-Lênin với cách mạng vô sản Nga (1917);

- Chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới.

## II. ĐỐI TƯỢNG, MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

1. Đối tượng và phạm vi học tập, nghiên cứu

Đối tượng học tập, nghiên cứu “Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin” là: “những quan điểm và học thuyết” của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I Lênin trong phạm vi những quan điểm, học thuyết cơ bản nhất thuộc ba bộ phận cơ bản cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin.

2. Mục đích và yêu cầu về mặt phương pháp học tập, nghiên cứu

a) Mục đích của việc học tập, nghiên cứu

- Học tập, nghiên cứu Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin là để xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng sáng tạo những nguyên lý đó trong hoạt động nhận thức và thực tiễn;

- Học tập, nghiên cứu Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin là để hiểu rõ cơ sở lý luận quan trọng nhất của Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Học tập, nghiên cứu Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin để giúp sinh viên hiểu rõ nền tảng tư tưởng của Đảng;

- Học tập, nghiên cứu Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin là để xây dựng niềm tin, lý tưởng cho sinh viên.

b) Một số yêu cầu cơ bản về mặt phương pháp học tập, nghiên cứu

- Học tập, nghiên cứu Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin cần phải theo nguyên tắc thường xuyên gắn

kết những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin với thực tiễn của đất nước và thời đại;

- Học tập, nghiên cứu Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin cần phải hiểu đúng tinh thần, thực chất của nó; tránh bệnh kinh viện, giáo điều trong quá trình học tập, nghiên cứu và vận dụng các nguyên lý cơ bản đó trong thực tiễn;

- Học tập, nghiên cứu mỗi nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin trong mối quan hệ với các nguyên lý khác, mỗi bộ phận cấu thành trong mối quan hệ với các bộ phận cấu thành khác để thấy sự thống nhất phong phú và nhất quán của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời cũng cần nhận thức các nguyên lý đó trong tiến trình phát triển của lịch sử tư tưởng nhân loại.

#### Phần thứ nhất

### THẾ GIỚI QUAN VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TRIẾT HỌC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

Thế giới quan và phương pháp luận triết học là bộ phận lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin; là sự kế thừa và phát triển những thành quả vĩ đại nhất của

tư tưởng triết học trong lịch sử nhân loại, đặc biệt là triết học cổ điển Đức. C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin đã phát triển chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng đến trình độ sâu sắc nhất và hoàn bị nhất, đó là: chủ nghĩa duy vật biện chứng với tư cách là hạt nhân lý luận của thế giới quan khoa học; là phép biện chứng duy vật với tư cách “học thuyết về sự phát triển, dưới hình thức hoàn bị nhất, sâu sắc nhất và không phiên diện, học thuyết về tính tương đối của nhận thức của con người; (V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb. Tiến bộ, M-1981, t.23, tr.53); và do đó, nó cũng chính là phép biện chứng của nhận thức hay là “cái mà ngày nay người ta gọi là lý luận nhận thức”; (V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb. Tiến Bộ, M-1981, t.26, tr. 65); đó còn là chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách là hệ thống các quan điểm duy vật biện chứng về xã hội, làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực và những quy luật chung của sự vận động, phát triển của xã hội loài người.

Việc nắm vững những nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin chẳng những là điều kiện tiên quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin mà còn là để vận

dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức khoa học, giải quyết những vấn đề cấp bách của thực tiễn đất nước và thời đại.

## Chương I CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

### I. CHỦ NGHĨA DUY VẬT VÀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

1. Vấn đề cơ bản của triết học và sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học

- Ph.Ăngghen khái quát vấn đề cơ bản của triết học.

- Nội dung và ý nghĩa của vấn đề cơ bản của triết học:

- Sự đối lập giữa hai quan điểm duy vật và duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.

- Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm: hai trường phái triết học lớn trong lịch sử.

- Vai trò của chủ nghĩa duy vật.

2. Các hình thức phát triển của chủ nghĩa duy vật trong lịch sử

- a) Chủ nghĩa duy vật chất phác;
- b) Chủ nghĩa duy vật siêu hình;
- c) Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

## II. QUAN ĐIỂM DUY VẬT BIỆN CHỨNG VỀ VẬT CHẤT, Ý THỨC VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC

### 1. Vật chất

#### a) Phạm trù vật chất

- Khái quát quan niệm của chủ nghĩa duy vật trước Mác về vật chất;

- Định nghĩa của V.I.Lênin về vật chất; những nội dung cơ bản và ý nghĩa của nó.

#### b) Phương thức và hình thức tồn tại của vật chất

- Vận động với tư cách là phương thức tồn tại của vật chất; các hình thức vận động của vật chất và mối quan hệ biện chứng giữa chúng;

- Không gian và thời gian với tư cách là hình thức tồn tại của vật chất.

#### c) Tính thống nhất vật chất của thế giới

- Luận điểm của Ph.Ăngghen về tính thống nhất vật chất của thế giới;

- Nội dung của tính thống nhất vật chất của thế giới;

- Ý nghĩa phương pháp luận.



## 2. Ý thức

### a) Nguồn gốc của ý thức

- Nguồn gốc tự nhiên của ý thức;
- Nguồn gốc xã hội của ý thức.

### b) Bản chất và kết cấu của ý thức

- Bản chất của ý thức;
- Kết cấu của ý thức.

## 3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

### a) Vai trò của vật chất đối với ý thức

- Vật chất quyết định nội dung của ý thức; nội dung của ý thức là sự phản ánh đối với vật chất;

- Vật chất quyết định sự biến đổi, phát triển của ý thức; sự biến đổi của ý thức là sự phản ánh đối với sự biến đổi của vật chất;

- Vật chất quyết định khả năng phản ánh sáng tạo của ý thức;

- Vật chất là nhân tố quyết định phát huy tính năng động sáng tạo của ý thức trong hoạt động thực tiễn.

### b) Vai trò của ý thức đối với vật chất

- Tác dụng phản ánh thế giới khách quan;

- Tác dụng cải biến sáng tạo thế giới khách quan;

- Giới hạn và điều kiện tác dụng năng động sáng tạo của ý thức.

## c) Ý nghĩa phương pháp luận

- Tôn trọng khách quan; nhận thức và hành động theo quy luật khách quan;

- Phát huy năng động chủ quan; phát huy vai trò của tri thức khoa học và cách mạng trong hoạt động thực tiễn;

- Tính thống nhất biện chứng giữa tôn trọng khách quan và phát huy năng động chủ quan trong hoạt động thực tiễn.

## Chương II

## PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

### I. PHÉP BIỆN CHỨNG VÀ PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

#### 1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng

##### a) Phép biện chứng

- Sự đối lập giữa hai quan điểm biện chứng và siêu hình trong việc nhận thức thế giới và cải tạo thế giới;

- Khái niệm phép biện chứng.

##### b) Các hình thức cơ bản của phép biện chứng

- Phép biện chứng chất phác thời cổ đại;

- Phép biện chứng duy tâm cổ điển Đức;

- Phép biện chứng duy vật.

## 2. Phép biện chứng duy vật

- Khái niệm phép biện chứng duy vật.
- Đặc trưng cơ bản và vai trò của phép biện chứng duy vật.

## II. CÁC NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

### 1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

- Khái niệm mối liên hệ và mối liên hệ phổ biến.
- Những tính chất của mối liên hệ.
- Ý nghĩa phương pháp luận.

### 2. Nguyên lý về sự phát triển

- Khái niệm “phát triển”.
- Những tính chất cơ bản của sự phát triển.
- Ý nghĩa phương pháp luận.

## III. CÁC CẶP PHẠM TRÙ CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

### 1. Cái chung và cái riêng

- Phạm trù cái chung và cái riêng; cái đơn nhất.
- Khái quát tính chất và mối quan hệ biện chứng giữa cái chung, cái riêng và cái đơn nhất.
- Ý nghĩa phương pháp luận.

## 2. Bản chất và hiện tượng

- Phạm trù bản chất, hiện tượng.
- Khái quát tính chất và mối quan hệ biện chứng giữa bản chất và hiện tượng.
- Ý nghĩa phương pháp luận.

## 3. Tất nhiên và ngẫu nhiên

- Phạm trù cái tất nhiên và cái ngẫu nhiên.
- Khái quát tính chất và mối quan hệ biện chứng giữa tất nhiên và ngẫu nhiên.
- Ý nghĩa phương pháp luận.

## 4. Nguyên nhân và kết quả

- Phạm trù nguyên nhân và kết quả.
- Khái quát tính chất và mối quan hệ biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả.
- Ý nghĩa phương pháp luận.

## 5. Nội dung và hình thức

- Phạm trù nội dung và hình thức.
- Khái quát tính chất và mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức.
- Ý nghĩa phương pháp luận.

## 6. Khả năng và hiện thực

- Phạm trù khả năng và hiện thực.
- Khái quát tính chất và mối quan hệ biện chứng giữa khả năng và hiện thực.
- Ý nghĩa phương pháp luận.

#### IV. CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

1. Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại

a) Khái niệm chất, lượng

- Khái niệm “chất”;

- Khái niệm “lượng”.

b) Quan hệ biện chứng giữa chất và lượng

- Tính thống nhất giữa chất và lượng trong một sự vật;

- Quá trình chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất;

- Quá trình chuyển hóa từ những sự thay đổi về chất thành những sự thay đổi về lượng.

c) Ý nghĩa phương pháp luận.

2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập

a) Khái niệm mâu thuẫn và các tính chất chung của mâu thuẫn

- Mâu thuẫn và mâu thuẫn biện chứng;

- Tính khách quan, phổ biến và tính đa dạng của các loại mâu thuẫn.

b) Quá trình vận động của mâu thuẫn

- Sự thống nhất, đấu tranh và chuyển hóa giữa các mặt đối lập;

- Vai trò của mâu thuẫn đối với quá trình vận động và phát triển của sự vật.

c) Ý nghĩa phương pháp luận.

3. Quy luật phủ định của phủ định

a) Khái niệm phủ định biện chứng và những đặc trưng cơ bản của nó

- Khái niệm phủ định và phủ định biện chứng;

- Hai đặc trưng cơ bản của phủ định biện chứng.

b) Phủ định của phủ định

- Vai trò của phủ định biện chứng đối với các quá trình vận động, phát triển;

- Hình thức “phủ định của phủ định” của các quá trình vận động, phát triển

c) Ý nghĩa phương pháp luận.

#### V. LÝ LUẬN NHẬN THỨC DUY VẬT BIỆN CHỨNG

1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức

a) Thực tiễn và các hình thức cơ bản của thực tiễn

- Khái niệm thực tiễn;

- Các hình thức cơ bản của thực tiễn.

b) Nhận thức và các trình độ nhận thức

- Khái niệm nhận thức;

- Các trình độ nhận thức.

- c) Vai trò của thực tiễn với nhận thức
- Thực tiễn là cơ sở và mục đích của nhận thức;
  - Thực tiễn là động lực thúc đẩy quá trình vận động, phát triển của nhận thức;
  - Thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm nghiệm tính chân lý trong quá trình phát triển nhận thức;
  - Tính thống nhất biện chứng giữa thực tiễn và nhận thức;
  - Nguyên tắc thống nhất giữa thực tiễn và lý luận;
  - Ý nghĩa phương pháp luận.

## 2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý

### a) Quan điểm của V.I Lênin về con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý

- Giai đoạn từ nhận thức cảm tính đến nhận thức lý tính và mối quan hệ giữa chúng;
- Giai đoạn từ nhận thức lý tính đến thực tiễn;
- Khái quát tính quy luật chung của quá trình vận động, phát triển nhận thức: từ thực tiễn đến nhận thức - từ nhận thức đến thực tiễn - nhận thức,...
- Ý nghĩa phương pháp luận.

### b) Chân lý và vai trò của chân lý với thực tiễn

- Khái niệm chân lý;
- Các tính chất của chân lý: tính khách quan, tính tương đối, tính tuyệt đối và tính cụ thể;
- Vai trò của chân lý đối với thực tiễn;
- Ý nghĩa phương pháp luận.

## Chương III

### CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

#### I. VAI TRÒ CỦA SẢN XUẤT VẬT CHẤT VÀ QUY LUẬT QUAN HỆ SẢN XUẤT PHÙ HỢP VỚI TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA LỰC

##### LƯỢNG SẢN XUẤT

#### 1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó

- a) Khái niệm sản xuất vật chất và phương thức sản xuất
- Khái niệm sản xuất vật chất và các nhân tố cơ bản của quá trình sản xuất vật chất;
  - Khái niệm phương thức sản xuất.
- b) Vai trò của sản xuất vật chất và phương thức sản xuất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội
- Vai trò quyết định của sản xuất vật chất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội;

- Vai trò quyết định của phương thức sản xuất đối với trình độ phát triển của nền sản xuất và quá trình biến đổi, phát triển của toàn bộ đời sống xã hội;

- Tính thống nhất và tính đa dạng của quá trình biến đổi, phát triển các phương thức sản xuất trong lịch sử;

- Ý nghĩa phương pháp luận.

2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

a) Khái niệm lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

- Lực lượng sản xuất và các yếu tố cơ bản cấu thành lực lượng sản xuất;

- Quan hệ sản xuất và ba mặt của quan hệ sản xuất.

b) Mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

- Tính thống nhất giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất;

- Vai trò quyết định của lực lượng sản xuất đối với quan hệ sản xuất;

- Vai trò tác động trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất;

- Sự vận động của mâu thuẫn biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất với tư cách là nguồn gốc và động lực cơ bản của sự vận động, phát triển các phương thức sản xuất;

- Ý nghĩa phương pháp luận.

## II. BIỆN CHỨNG CỦA CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ KIẾN TRÚC THƯỢNG TẦNG

1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

a) Khái niệm, kết cấu cơ sở hạ tầng

- Khái niệm cơ sở hạ tầng;

- Kết cấu của cơ sở hạ tầng.

b) Khái niệm, kết cấu kiến trúc thượng tầng

- Khái niệm kiến trúc thượng tầng;

- Các yếu tố cơ bản hợp thành kiến trúc thượng tầng của xã hội;

- Nhà nước - bộ máy tổ chức quyền lực đặc biệt của xã hội có đối kháng giai cấp.

2. Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

a) Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng

- Cơ sở hạ tầng quyết định nội dung và tính chất của kiến trúc thượng tầng; nội dung và tính chất của kiến trúc thượng tầng là sự phản ánh đối với cơ sở hạ tầng;

- Cơ sở hạ tầng quyết định sự biến đổi của kiến trúc thượng tầng; sự biến đổi của kiến trúc thượng tầng là sự phản ánh đối với sự biến đổi của cơ sở hạ tầng;

- Ý nghĩa phương pháp luận.

b) Vai trò tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng

- Vai trò của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng;

- Vai trò đặc biệt quan trọng của nhà nước đối với cơ sở hạ tầng;

- Hai xu hướng tác động của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng;

- Ý nghĩa phương pháp luận.

### III. TỒN TẠI XÃ HỘI QUYẾT ĐỊNH Ý THỨC XÃ HỘI VÀ TÍNH ĐỘC LẬP TƯƠNG ĐỐI CỦA Ý THỨC XÃ HỘI

1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

a) Khái niệm tồn tại xã hội và ý thức xã hội

- Khái niệm tồn tại xã hội và các nhân tố cơ bản cấu thành tồn tại xã hội;

- Khái niệm ý thức xã hội và cấu trúc của ý thức xã hội (tâm lý xã hội và hệ tư tưởng xã hội); các hình thái ý thức xã hội).

b) Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội

- Tồn tại xã hội quyết định nội dung của ý thức xã hội; nội dung của ý thức xã hội là sự phản ánh đối với tồn tại xã hội;

- Tồn tại xã hội quyết định sự biến đổi của ý thức xã hội; sự biến đổi của ý thức xã hội là sự phản ánh đối với sự biến đổi của tồn tại xã hội;

- Ý nghĩa phương pháp luận.

2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

- Nội dung tính độc lập tương đối của ý thức xã hội;

- Ý nghĩa phương pháp luận.

### IV. HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ - TỰ NHIÊN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Khái niệm, kết cấu hình thái kinh tế - xã hội

- Khái niệm hình thái kinh tế - xã hội.

- Kết cấu của hình thái kinh tế - xã hội.

2. Quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội

- Tính lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội.

- Vai trò của nhân tố chủ quan đối với tiến trình lịch sử.

- Sự thống nhất biện chứng giữa nhân tố khách quan và nhân tố chủ quan đối với sự vận động, phát triển của xã hội.

- Ý nghĩa phương pháp luận.

## V. VAI TRÒ CỦA ĐẤU TRANH GIAI CẤP VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI SỰ VẬN ĐỘNG, PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI CÓ ĐỐI KHÁNG GIAI CẤP

1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

a) Khái niệm giai cấp, tầng lớp xã hội

- Khái niệm giai cấp;
- Khái niệm tầng lớp xã hội.

b) Nguồn gốc giai cấp

- Nguồn gốc trực tiếp;
- Nguồn gốc sâu xa.

c) Vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

- Đấu tranh giai cấp và các hình thức đấu tranh giai cấp;

- Nhà nước - công cụ chuyên chính giai cấp;

- Vai trò của đấu tranh giai cấp với tư cách là phương thức và một trong những động lực cơ bản, trực tiếp của sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp;

- Ý nghĩa phương pháp luận.

2. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

a) Khái niệm cách mạng xã hội và nguồn gốc của cách mạng xã hội

- Khái niệm cách mạng xã hội và khái niệm cải cách xã hội;

- Nguồn gốc của cách mạng xã hội.

b) Vai trò của cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

- Cách mạng xã hội là phương thức của sự vận động, phát triển xã hội có đối kháng giai cấp;

- Cách mạng xã hội là động lực của sự vận động, phát triển xã hội nhằm thay đổi chế độ xã hội đã lỗi thời chuyển lên chế độ xã hội mới cao hơn;

- Ý nghĩa phương pháp luận.

## VI. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ VỀ CON NGƯỜI VÀ VAI TRÒ SÁNG TẠO LỊCH SỬ CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN

1. Con người và bản chất của con người

a) Khái niệm con người

- Nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội của con người;

- Sự thống nhất biện chứng giữa hai mặt tự nhiên và xã hội trong hoạt động hiện thực của con người.

b) Bản chất của con người

- Luận điểm của C.Mác về bản chất con người;

- Năng lực sáng tạo lịch sử của con người và các điều kiện phát huy năng lực sáng tạo của con người;

- Giải phóng con người - giải phóng động lực cơ bản của sự phát triển xã hội.

2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và cá nhân

a) Khái niệm quần chúng nhân dân;

b) Vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và vai trò của cá nhân trong lịch sử

- Quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo lịch sử và là lực lượng quyết định sự phát triển lịch sử;

- Vai trò của cá nhân, vĩ nhân đối với sự phát triển của lịch sử;

- Ý nghĩa phương pháp luận.

## Phần thứ hai

### HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VỀ PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

“Sau khi nhận thấy rằng chế độ kinh tế là cơ sở trên đó kiến trúc thượng tầng chính trị được xây dựng lên thì Mác chú ý nhiều nhất đến việc nghiên cứu chế độ kinh tế ấy. Tác phẩm chính của Mác là bộ “*Tư bản*” được dành riêng để nghiên cứu chế độ kinh tế của xã hội hiện đại, nghĩa là xã hội tư bản chủ

nghĩa.” (V.I. Lênin: Toàn tập, Nxb. Tiến Bộ, M-1981, tập 23, tr.54).

Học thuyết kinh tế của Mác là “nội dung chủ yếu của chủ nghĩa Mác” (V.I. Lênin: Toàn tập, Tập 26, Nxb. Tiến Bộ, M-1981, tr.60); là kết quả vận dụng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật vào quá trình nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Bộ *Tư bản* chính là công trình khoa học vĩ đại nhất của C.Mác. “Mục đích cuối cùng của bộ sách này là phát hiện ra quy luật kinh tế của sự vận động của xã hội hiện đại”, nghĩa là của xã hội tư bản chủ nghĩa, của xã hội tư sản. Nghiên cứu sự phát sinh, phát triển và suy tàn của những quan hệ sản xuất của một xã hội nhất định trong lịch sử, đó là nội dung của học thuyết kinh tế của Mác” (V.I. Lênin: Toàn tập, Tập 26, Nxb. Tiến Bộ, M-1981, tr.72) mà trọng tâm của nó là học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư.

Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không chỉ bao gồm học thuyết của C.Mác về giá trị và giá trị thặng dư mà còn bao gồm học thuyết kinh tế của V.I. Lênin về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Nội dung ba học thuyết này bao quát những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.



## Chương IV HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ

### I. ĐIỀU KIỆN RA ĐỜI, ĐẶC TRƯNG VÀ ƯU THẾ CỦA SẢN XUẤT HÀNG HÓA

1. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa

- a) Phân công lao động xã hội;
- b) Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất hay tính chất tư nhân của quá trình lao động.

2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa

- a) Đặc trưng của sản xuất hàng hóa;
- b) Ưu thế của sản xuất hàng hóa.

### II. HÀNG HÓA

1. Hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa

- a) Khái niệm hàng hóa;
- b) Hai thuộc tính của hàng hóa
  - Giá trị sử dụng của hàng hóa;
  - Giá trị của hàng hóa.

c) Mối quan hệ giữa hai thuộc tính của hàng hóa.

2. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa

- a) Lao động cụ thể;
- b) Lao động trừu tượng.

3. Lượng giá trị hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa

- a) Thước đo lượng giá trị hàng hóa
  - Thời gian lao động cá biệt;
  - Thời gian lao động xã hội cần thiết.
- b) Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa
  - Năng suất lao động;
  - Cường độ lao động;
  - Mức độ phức tạp của lao động.

### III. TIỀN TỆ

1. Lịch sử phát triển của hình thái giá trị và bản chất của tiền tệ

a) Lịch sử phát triển của hình thái giá trị;

b) Bản chất của tiền tệ.

2. Chức năng của tiền tệ

- a) Thước đo giá trị;
- b) Phương tiện lưu thông;
- c) Phương tiện thanh toán;
- d) Phương tiện cất trữ;
- e) Tiền tệ thế giới.

### IV. QUY LUẬT GIÁ TRỊ

1. Nội dung của quy luật giá trị

- Yêu cầu đối với sản xuất;
- Yêu cầu đối với lưu thông.

## 2. Tác động của quy luật giá trị

- Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa;

- Kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm tăng năng suất lao động;

- Thực hiện sự lựa chọn tự nhiên và phân hóa người lao động thành kẻ giàu người nghèo.

## Chương V

### HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

#### I. SỰ CHUYÊN HÓA CỦA TIỀN TỆ THÀNH TƯ BẢN

1. Công thức chung của tư bản.

2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản.

3. Hàng hóa sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản

a) Hàng hóa sức lao động

- Điều kiện để cho sức lao động trở thành hàng hóa;

- Hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động.

b) Tiền công trong chủ nghĩa tư bản

- Bản chất của tiền công trong chủ nghĩa tư bản;

- Hai hình thức cơ bản của tiền công trong chủ nghĩa tư bản;

- Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế.

#### II. SỰ SẢN XUẤT RA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư

a) Quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng trong chủ nghĩa tư bản;

b) Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư.

2. Khái niệm tư bản, tư bản bất biến và tư bản khả biến

a) Khái niệm tư bản;

b) Tư bản bất biến và tư bản khả biến.

3. Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản. Tư bản cố định và tư bản lưu động

a) Tuần hoàn của tư bản;

b) Chu chuyển của tư bản;

c) Tư bản cố định và tư bản lưu động.

3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư

a) Tỷ suất giá trị thặng dư;

b) Khối lượng giá trị thặng dư.

4. Hai phương pháp sản xuất ra giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch

a) Sản xuất ra giá trị thặng dư tuyệt đối;

b) Sản xuất ra giá trị thặng dư tương đối;

c) Giá trị thặng dư siêu ngạch.

5. Sản xuất ra giá trị thặng dư - quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản.

### III. SỰ CHUYỂN HÓA CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ THÀNH TƯ BẢN - TÍCH LŨY TƯ BẢN

1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản.

2. Tích tụ và tập trung tư bản.

3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản.

### IV. CÁC HÌNH THÁI BIỂU HIỆN CỦA TƯ BẢN VÀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận

a) Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa;

b) Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận

- Lợi nhuận;

- Tỷ suất lợi nhuận và các nhân tố ảnh hưởng tới tỷ suất lợi nhuận.

2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất

a) Cạnh tranh nội bộ ngành và sự hình thành giá trị thị trường;

b) Cạnh tranh giữa các ngành và sự hình thành lợi nhuận bình quân;

c) Sự chuyển hóa của giá trị hàng hóa thành giá cả sản xuất.

3. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các tập đoàn tư bản

a) Tư bản thương nghiệp và lợi nhuận thương nghiệp

- Tư bản thương nghiệp;

- Lợi nhuận thương nghiệp.

b) Tư bản cho vay và lợi tức

- Tư bản cho vay;

- Lợi tức và tỷ suất lợi tức;

- Tín dụng tư bản chủ nghĩa; ngân hàng và lợi nhuận ngân hàng.

c) Công ty cổ phần. Tư bản giả và thị trường chứng khoán

- Công ty cổ phần;

- Tư bản giả và thị trường chứng khoán.

d) Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp và địa tô tư bản chủ nghĩa

- Sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp;

- Bản chất của địa tô tư bản chủ nghĩa;

- Các hình thức cơ bản của địa tô tư bản chủ nghĩa.

**Chương VI**

**HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC**

**I. CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN**

1. Bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền.

2. Năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền

a) Tập trung sản xuất và các tổ chức độc quyền;

b) Tư bản tài chính và bọn đầu sỏ tài chính;

c) Xuất khẩu tư bản;

d) Sự phân chia thế giới về kinh tế giữa các tổ chức độc quyền;

e) Sự phân chia thế giới về lãnh thổ giữa các cường quốc đế quốc.

3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền

a) Sự hoạt động của quy luật giá trị;

b) Sự hoạt động của quy luật giá trị thặng dư.

**II. CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC**

1. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

2. Những biểu hiện của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

a) Sự kết hợp về con người giữa các tổ chức độc quyền và bộ máy nhà nước;

b) Sự hình thành và phát triển của sở hữu nhà nước;

c) Sự can thiệp của nhà nước vào các quá trình kinh tế.

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ VAI TRÒ VÀ GIỚI HẠN LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN**

1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội.

2. Giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản.

**Phần thứ ba**

**LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

Trên cơ sở học thuyết kinh tế về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là học thuyết giá trị thặng dư, “Mác đã hoàn toàn dựa vào và chỉ dựa vào những quy luật kinh tế của sự vận động của xã hội hiện đại mà kết luận rằng xã hội tư bản chủ nghĩa nhất định sẽ phải chuyển biến thành xã hội xã hội chủ nghĩa. Việc xã hội hóa lao động, ngày càng tiến nhanh thêm dưới muôn vàn hình thức..., đã biểu hiện đặc biệt

rõ ràng ở sự phát triển của đại công nghiệp,..., đây là cơ sở vật chất chủ yếu cho sự ra đời không thể tránh khỏi của chủ nghĩa xã hội. Động lực trí tuệ và tinh thần của sự chuyển biến đó, lực lượng thể chất thi hành sự chuyển biến đó là giai cấp vô sản, giai cấp đã được bản thân chủ nghĩa tư bản rèn luyện. Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản, biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau và nội dung của những hình thức này ngày càng phong phú, - nhất định biến thành một cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp vô sản nhằm giành chính quyền (“chuyên chính vô sản”)). (V.I. Lênin: Toàn tập, Tập 26, Nxb. Tiến bộ, M-1981, tr.86-87).

Như vậy, trong chủ nghĩa Mác-Lênin, học thuyết kinh tế về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa cùng với bộ phận lý luận triết học là những cơ sở lý luận tất yếu và trực tiếp của chủ nghĩa xã hội khoa học, tức học thuyết Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội. Bởi vậy, theo nghĩa rộng chủ nghĩa xã hội khoa học chính là chủ nghĩa Mác-Lênin, còn theo nghĩa hẹp thì nó là một bộ phận lý luận cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin - bộ phận lý luận về chủ nghĩa xã hội, đó là bộ phận lý luận nghiên cứu làm sáng tỏ vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; tính tất yếu và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa; quá trình hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã

hội cộng sản chủ nghĩa; quy luật và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

## Chương VII

### SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

#### I. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó

a) Khái niệm giai cấp công nhân

- Quan niệm của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân;

- Quan niệm hiện nay về giai cấp công nhân.

b) Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

- Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân;

- Đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

2. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

a) Địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa

- Địa vị kinh tế của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa;

- Địa vị xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa.

b) Đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân

- Giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến nhất thời đại ngày nay;

- Giai cấp công nhân là giai cấp có tính cách mạng triệt để nhất;

- Giai cấp công nhân có ý thức tổ chức kỷ luật cao nhất;

- Giai cấp công nhân có bản chất quốc tế.

3. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

a) Tính tất yếu và quy luật hình thành, phát triển chính đảng của giai cấp công nhân

- Quá trình phát triển của giai cấp công nhân và phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân;

- Tính tất yếu xây dựng chính đảng của giai cấp công nhân;

- Quy luật ra đời và phát triển của Đảng Cộng sản.

b) Mọi quan hệ giữa Đảng Cộng sản với giai cấp công nhân

- Giai cấp công nhân là cơ sở giai cấp của Đảng Cộng sản;

- Đảng Cộng sản là đội tiên phong chiến đấu, là lãnh tụ chính trị, là bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân.

## II. CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó

a) Khái niệm cách mạng xã hội chủ nghĩa;

b) Nguyên nhân của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa

- Mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa;

- Động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa;

- Nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

a) Tính tất yếu và cơ sở khách quan của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân

- Tính tất yếu khách quan của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân;

- Cơ sở khách quan (cơ sở kinh tế, chính trị,...) bảo đảm sự liên minh vững

chắc và lâu dài giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân.

b) Nội dung và nguyên tắc cơ bản của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân

- Nội dung của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân;

- Nguyên tắc cơ bản của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân.

### III. HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA

1. Xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

- Phương pháp luận cơ bản của việc dự báo xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

- Mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và nhu cầu tất yếu của sự thay thế hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa bằng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

- Sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp tất yếu dẫn tới chuyên chính vô sản và sự xác lập hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

a) Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Tính tất yếu và hai loại hình quá độ lên chủ nghĩa xã hội;

- Đặc điểm và nội dung kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội;

- Đặc điểm và nội dung chính trị, văn hóa xã hội của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

b) Chủ nghĩa xã hội

- Khái niệm chủ nghĩa xã hội;

- Những đặc trưng về kinh tế và chính trị của chủ nghĩa xã hội.

c) Giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa

- Khái niệm “giai đoạn cao” của xã hội cộng sản chủ nghĩa;

- Những đặc trưng về sự phát triển lực lượng sản xuất, kinh tế, chính trị, văn hóa, con người, ... ở giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa.

### Chương VIII

## NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

### I. XÂY DỰNG NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

- Khái niệm dân chủ và nền dân chủ;
- Những đặc trưng của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa;
- Tính tất yếu của việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa;

- Khái niệm nhà nước xã hội chủ nghĩa;
- Đặc trưng và chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước xã hội chủ nghĩa;
- Tính tất yếu của việc xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa.

## II. XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Khái niệm nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

- Khái niệm văn hóa, nền văn hóa và nền văn hóa xã hội chủ nghĩa;
- Đặc trưng của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa;
- Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

- Tính tất yếu, nội dung và tính chất cơ bản của nền văn hóa XHCN;
- Xây dựng gia đình văn hóa xã hội chủ nghĩa - một trong những nội dung cơ

bản của nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa;

- Phương thức xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

1. Vấn đề dân tộc và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc

- Khái niệm dân tộc; hai xu hướng phát triển của dân tộc và vấn đề dân tộc trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội;

- Những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc.

2. Vấn đề tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

- Khái niệm tôn giáo và vấn đề tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội;

- Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo.

## Chương IX CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG

### I. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC

1. Cách mạng Tháng Mười Nga và mô



hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới.

a) Cách mạng Tháng Mười Nga (1917)

- Sự thành công của Cách mạng Tháng Mười Nga;

- Bài học lịch sử từ cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại.

b) Mô hình chủ nghĩa xã hội đầu tiên trên thế giới

- Những thành công của mô hình chủ nghĩa xã hội theo kiểu Xôviết với tư cách là mô hình chủ nghĩa xã hội đầu tiên trên thế giới;

- Bài học lịch sử từ mô hình chủ nghĩa xã hội theo kiểu Xôviết.

2. Sự ra đời của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa và những thành tựu của nó

a) Sự ra đời và phát triển của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa

- Sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới;

- Sự ra đời và phát triển của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của các Đảng Cộng sản ở thế kỷ XX.

b) Những thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực

- Những thành tựu về chính trị, văn hóa, xã hội;

- Những thành tựu kinh tế.

## II. SỰ KHỦNG HOẢNG, SỤP ĐỔ CỦA MÔ HÌNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI XÔ VIẾT VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA NÓ

1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết

- Sự khủng hoảng của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết

- Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết

a) Nguyên nhân sâu xa là những sai lầm thuộc về mô hình phát triển của chủ nghĩa xã hội Xôviết;

b) Nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp

- Đường lối hữu khuynh, cơ hội và xét lại;

- Âm mưu “diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc.

## III. TRIỂN VỌNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người

- Bản chất của chủ nghĩa tư bản không thay đổi;

- Các yếu tố xã hội chủ nghĩa đã xuất hiện trong lòng xã hội tư bản;

- Tính đa dạng của các xu hướng phát triển của thế giới đương đại.

2. Chủ nghĩa xã hội - tương lai của xã hội loài người

a) Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ không có nghĩa là sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội;

b) Các nước xã hội chủ nghĩa còn lại tiến hành cải cách, mở cửa, đổi mới và

ngày càng đạt được những thành tựu to lớn;

c) Đã xuất hiện xu hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC

Bành Tiến Long

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

### Tư tưởng Hồ Chí Minh

(ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT

ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Tên môn học: Tư tưởng Hồ Chí Minh

2. Thời lượng: 2 tín chỉ

- Nghe giảng: 70%

- Thảo luận: 30%

3. Trình độ: Dùng cho sinh viên không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trình độ đại học, cao đẳng.

4. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải học xong môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin.

5. Mục tiêu môn học:

- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin;

- Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta;

- Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

6. Mô tả vắn tắt nội dung: Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình

hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Phải nghiên cứu giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng. Chuẩn bị thảo luận và đọc, sưu tầm các tư liệu có liên quan đến nội dung của chương.

- Dành thời gian cho việc nghiên cứu trước bài giảng dưới sự hướng dẫn của giảng viên;

- Tham dự các buổi thảo luận, các buổi lên lớp theo quy định.

8. Tài liệu học tập:

- Chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên

soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản;

- Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh do Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ đạo biên soạn;

- Sách tham khảo: các tài liệu hướng dẫn học tập, nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh của Ban Tuyên giáo TW;

- Hồ Chí Minh: toàn tập, tuyển tập, đĩa CDROM Hồ Chí Minh toàn tập;

- Các Nghị quyết, Văn kiện của Đảng.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên: Theo quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hiện hành.

10. Nội dung chi tiết môn học:

### Chương mở đầu

## ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

### I. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh

a) Khái niệm tư tưởng và nhà tư tưởng

- Khái niệm tư tưởng;
- Khái niệm nhà tư tưởng;

b) Định nghĩa và hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh

- Định nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh

a) Hệ thống các quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh;

b) Sự vận động của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

3. Mối quan hệ môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Quan hệ với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin;
- Quan hệ với môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

### II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Cơ sở phương pháp luận.
2. Các phương pháp cụ thể.

### III. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác.
2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị.

## Chương I

# CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

## I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

### 1. Cơ sở khách quan

#### a) Bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

- Bối cảnh lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX;
- Bối cảnh thời đại (quốc tế).

#### b) Các tiền đề tư tưởng, lý luận

- Giá trị truyền thống dân tộc Việt Nam;
- Tinh hoa văn hóa nhân loại;
- Chủ nghĩa Mác-Lênin.

### 2. Nhân tố chủ quan

#### Phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh

- Khả năng tư duy, trí tuệ;
- Nhân cách, phẩm chất đạo đức;
- Năng lực hoạt động, tổng kết thực tiễn.

## II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước

- Tiếp thu truyền thống của gia đình, quê hương, đất nước;

- Những bài học thành, bại rút ra từ các cuộc đấu tranh chống Pháp;

- Nung nấu ý chí yêu nước và quyết tâm ra đi tìm con đường cứu nước mới.

2. Thời kỳ từ 1911 - 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc

- Tới Pháp và các nước châu Âu, nơi sản sinh những tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái;

- Kiên trì chịu đựng gian khổ, ra sức học tập và khảo sát thực tiễn;

- Tham gia vào các tổ chức chính trị, xã hội tiên bộ;

- Tìm hiểu các cuộc cách mạng thế giới;

- Đến với chủ nghĩa Lênin và tán thành tham gia đệ tam quốc tế, tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn.

3. Thời kỳ từ 1921 - 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam

- Tiếp tục hoạt động và tìm hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin;

- Kết hợp nghiên cứu với xây dựng lý luận;

- Hình thành hệ thống các quan điểm về cách mạng Việt Nam.

4. Thời kỳ từ 1930 - 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng

- Giữ vững lập trường quan điểm trước khuynh hướng “tả khuynh” của Quốc tế cộng sản;

- Theo sát tình hình để chỉ đạo cách mạng trong nước;

- Xây dựng và hoàn thiện chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc, xác lập tư tưởng độc lập, tự do dẫn tới thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám;

- Tư tưởng về các quyền dân tộc cơ bản (trong Tuyên ngôn độc lập).

5. Thời kỳ từ 1945 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện

- Tư tưởng kết hợp kháng chiến với kiến quốc;

- Tư tưởng về chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mình là chính;

- Tư tưởng về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội;

- Xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân;

- Tư tưởng và chiến lược về con người của Hồ Chí Minh;

- Xây dựng Đảng Cộng sản với tư cách là một đảng cầm quyền;

- Về quan hệ quốc tế và đường lối đối ngoại...

### III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc

a) Tài sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam;

b) Nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới

a) Phản ánh khát vọng thời đại;

b) Tìm ra các giải pháp đấu tranh giải phóng loài người.

#### Chương II

### TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

#### I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

1. Vấn đề dân tộc thuộc địa

a) Thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa

- Đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc;

- Lựa chọn con đường phát triển của dân tộc.

b) Độc lập dân tộc - nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa

- Phương thức tiếp cận - từ quyền con người;

- Nội dung của độc lập dân tộc.

2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp

a) Vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có quan hệ chặt chẽ với nhau;

b) Giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội;

c) Giải phóng dân tộc tạo tiền đề để giải phóng giai cấp;

d) Giữ vững độc lập của dân tộc mình đồng thời tôn trọng độc lập của các dân tộc khác.

## II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc

a) Tính chất và nhiệm vụ của cách mạng ở thuộc địa

- Sự phân hóa của xã hội thuộc địa;

- Mâu thuẫn của xã hội thuộc địa;

- Đối tượng của cách mạng ở thuộc địa;

- Yêu cầu bức thiết của cách mạng thuộc địa;

- Nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng ở thuộc địa;

- Tính chất của cách mạng thuộc địa.

b) Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc

- Lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc;

- Giành độc lập dân tộc;

- Giành chính quyền về tay nhân dân.

2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

a) Rút bài học từ sự thất bại của các con đường cứu nước trước đó

- Con đường cứu nước theo lập trường phong kiến;

- Con đường cứu nước theo lập trường tư sản;

- Khủng hoảng về đường lối cứu nước.

b) Cách mạng tư sản là không triệt để

- Cách mạng tư sản Mỹ;

- Cách mạng tư sản Pháp.

c) Con đường giải phóng dân tộc

- Cả hai cuộc giải phóng giai cấp vô sản và dân tộc bị áp bức chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và cách mạng thế giới;

- Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản;

3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo

a) Cách mạng trước hết phải có Đảng

- Yêu cầu tổ chức và giác ngộ quần chúng;

- Phải liên lạc với cách mạng thế giới;

- Phải có cách làm đúng.

b) Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo duy nhất

- Đảng mang bản chất giai cấp công nhân;

- Đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc.

4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc

a) Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng bị áp bức

- Một cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị trong quần chúng;

- Cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp chung của toàn dân tộc;

- Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại nổi.

b) Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc

- Lực lượng toàn dân tộc;

- Động lực cách mạng;

- Bạn đồng minh của cách mạng.

5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

a) Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo

- Sức sống của chủ nghĩa tư bản tập trung ở các thuộc địa;

- Khả năng cách mạng to lớn của nhân dân các dân tộc thuộc địa;

- Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn ở các nước đang đấu tranh giành độc lập;

- Công cuộc giải phóng nhân dân thuộc địa chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực tự giải phóng.

b) Quan hệ của cách mạng thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc

- Cùng chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc;

- Quan hệ bình đẳng với cách mạng vô sản;

- Cách mạng giải phóng dân tộc có thể giành thắng lợi trước.

6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực

a) Quan điểm về bạo lực cách mạng

- Tính tất yếu của con đường cách mạng bạo lực;



- Bao lực cách mạng là bao lực của quần chúng;

- Hình thức của bao lực cách mạng.

b) Tư tưởng bao lực cách mạng gắn bó hữu cơ với tư tưởng nhân đạo và hòa bình

- Tận dụng mọi khả năng giải quyết xung đột bằng biện pháp hòa bình;

- Phải tiến hành chiến tranh chỉ là giải pháp bắt buộc cuối cùng;

- Khi tiến hành chiến tranh, vẫn tìm mọi cách vẫn hồi hòa bình.

c) Hình thái bao lực cách mạng

- Khởi nghĩa toàn dân;

- Chiến tranh nhân dân.

## KẾT LUẬN

- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc

+ Nhận diện chính xác thực chất vấn đề dân tộc thuộc địa.

+ Tìm đúng con đường giải phóng các dân tộc thuộc địa.

+ Quan điểm về tính chủ động và khả năng giành thắng lợi trước của cách mạng giải phóng dân tộc.

- Ý nghĩa của việc học tập.

+ Thấy rõ vai trò to lớn, vĩ đại của Hồ

Chí Minh trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

+ Nhận thức đúng sức mạnh của dân tộc, củng cố niềm tự hào, tự tôn dân tộc, từ đó có những đóng góp thiết thực, hiệu quả trong xây dựng, phát triển dân tộc giàu mạnh, phồn vinh.

## Chương III

### TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

#### I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a) Chủ nghĩa xã hội là bước phát triển tất yếu sau khi giành được độc lập theo con đường cách mạng vô sản;

b) Xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhằm giải phóng con người một cách triệt để.

2. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a) Chủ nghĩa xã hội như là một chế độ xã hội ưu việt

- Phương thức tiếp cận chủ nghĩa xã hội;

- Một số định nghĩa tiêu biểu về chủ nghĩa xã hội.

b) Bản chất và đặc trưng tổng quát của chủ nghĩa xã hội

- Bản chất của chủ nghĩa xã hội - Các đặc trưng tổng quát:

- + Nhân dân làm chủ, đoàn kết;
- + Có nền chính trị dân chủ;
- + Có nền kinh tế, văn hóa, xã hội, con người phát triển;
- + Có mối quan hệ hữu nghị, bình đẳng, hòa bình, hợp tác với các quốc gia trên thế giới.

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a) Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát

Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới

- Những mục tiêu cụ thể:

- + Về chính trị;
- + Về kinh tế;
- + Về văn hóa - xã hội;
- + Về con người phát triển toàn diện.

b) Động lực

- Động lực vật chất và động lực tinh thần

- + Động lực vật chất;
- + Động lực tinh thần.

- Kết hợp sức mạnh, động lực của tập thể, cá nhân con người

+ Động lực tập thể;

+ Động lực cá nhân.

- Kết hợp sức mạnh trong nước và quốc tế.

## II. CON ĐƯỜNG, BIỆN PHÁP QUÁ ĐỘ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Con đường

a) Quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa;

b) Con đường cách mạng không ngừng.

2. Biện pháp

a) Phương châm

- Dần dần, từng bước vững chắc trên cơ sở xác định một cách đúng đắn bước đi;

- Tổng kết kinh nghiệm của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đồng thời học tập kinh nghiệm của các nước khác trên thế giới;

- Có kế hoạch và có quyết tâm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân;

b) Biện pháp

- Có nhiều biện pháp khác nhau;

- Quan trọng nhất là phát huy tài dân, sức dân, của dân.

## KẾT LUẬN

- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh.
- + Gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội;
- + Quan điểm thực tiễn trong tiếp cận chủ nghĩa xã hội;
- + Nhân mạnh yếu tố đạo đức nhân văn trong bản chất của chủ nghĩa xã hội;
- + Xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
- Ý nghĩa của việc học tập.
- + Có cơ sở khoa học tin tưởng vào sự thắng lợi tất yếu, bản chất tốt đẹp và những ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa;
- + Xác định thái độ và có những hành động thiết thực đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

### Chương IV

## TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

### I. QUAN NIỆM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ VÀ BẢN CHẤT CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

#### 1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

##### a) Cách mạng trước hết cần có Đảng

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin;
- Kinh nghiệm cách mạng thế giới;
- Kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam.
- b) Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử
- Khái quát sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân;
- Sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào yêu nước.

#### 2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam

##### a) Lựa chọn con đường, xây dựng đường lối chiến lược, sách lược cách mạng

- Lựa chọn con đường cách mạng đúng đắn cho dân tộc;

- Xác định chiến lược, sách lược cách mạng đúng đắn;

- Xác định phương pháp cách mạng.

##### b) Tổ chức, đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng

- Tổ chức, đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng trong nước;

- Đoàn kết các lực lượng cách mạng quốc tế.

##### c) Vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên

- Tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên;

- Khả năng thu hút, tập hợp quần chúng của cán bộ, đảng viên.

### 3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam

a) Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân

- Mục tiêu, lý tưởng của Đảng;
- Nền tảng tư tưởng - lý luận của Đảng;
- Nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng.

b) Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của nhân dân lao động, là Đảng của dân tộc

- Cơ sở xã hội của Đảng;
- Lợi ích mà Đảng đại diện.

### 4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền

a) Đảng lãnh đạo toàn diện mọi mặt đời sống xã hội;

b) Đảng cầm quyền, dân là chủ;

c) Cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

## II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

### 1. Xây dựng Đảng - quy luật tồn tại và phát triển của Đảng

a) Đảng phải thường xuyên tự xây dựng

- Mục đích xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh;

- Nhiệm vụ xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

b) Quan điểm chỉ đạo xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

- Về lý luận;
- Về thực tiễn.

### 2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam

a) Xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận

- Lý luận và vai trò của lý luận;
- Giáo dục lý luận Mác-Lênin cho cán bộ, đảng viên.

b) Xây dựng Đảng về chính trị

- Xây dựng đường lối cách mạng khoa học, đúng đắn;
- Giáo dục đường lối, chính sách của Đảng;

- Thông tin thời sự cho cán bộ, đảng viên.

c) Xây dựng Đảng về tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ

- Hệ thống tổ chức của Đảng;
- Các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng;
- Cán bộ, công tác cán bộ của Đảng.

d) Xây dựng Đảng về đạo đức

- Tư cách và đạo đức cách mạng của Đảng;
- Phương pháp giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên.

## KẾT LUẬN

- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh.
- + Về sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam;
- + Về bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- + Lý luận về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền;
- + Quan niệm xây dựng Đảng về đạo đức.
- Ý nghĩa của việc học tập.
- + Thấy rõ vai trò lãnh đạo không thể thiếu được của Đảng trong cách mạng Việt Nam;
- + Tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng;
- + Tham gia thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; tham gia xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về mọi mặt;
- + Có phương hướng phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

### Chương V

## TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

### I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

1. Vị trí vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng

a) Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, quyết định sự thành công của cách mạng

- Đại đoàn kết dân tộc là một chiến lược cơ bản, nhất quán, lâu dài;

- Đại đoàn kết dân tộc nhằm tập hợp mọi lực lượng;

- Đại đoàn kết dân tộc luôn luôn được khẳng định là vấn đề sống còn.

b) Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng

- Đại đoàn kết dân tộc phải được quán triệt trong tất cả mọi lĩnh vực;

- Đại đoàn kết dân tộc phải được khẳng định là nhiệm vụ hàng đầu của mọi giai đoạn cách mạng;

- Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc.

### 2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc

a) Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân

- Khái niệm Dân, Nhân dân và đại đoàn kết dân tộc - đại đoàn kết toàn dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Nòng cốt của khối đại đoàn kết dân tộc là liên minh công - nông.

b) Đại đoàn kết toàn dân là tập hợp được mọi người dân vào cuộc đấu tranh

chung. Để thực hiện được đại đoàn kết toàn dân cần chú ý:

- Kế thừa truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc;
- Phải khoan dung, độ lượng với con người, tin ở con người;
- Phải có lập trường giai cấp rõ ràng.

3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc

a) Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc là Mặt trận dân tộc thống nhất;

b) Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

- Mặt trận phải được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công - nông - trí thức, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng;

- Khối đoàn kết trong Mặt trận phải xuất phát từ mục tiêu chung;

- Mặt trận phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ;

- Mặt trận là khối đoàn kết chặt chẽ, lâu dài, thật sự, chân thành.

## II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế

a) Cơ sở khách quan

- Mục tiêu chung;
- Lợi ích chung.

b) Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

- Sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại;
- Sự cần thiết phải kết hợp.

2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế

a) Các lực lượng cần đoàn kết

- Với giai cấp công nhân quốc tế;
- Với các dân tộc thuộc địa bị áp bức;
- Các lực lượng tiến bộ trên thế giới.

b) Hình thức

- Đoàn kết trên cơ sở xây dựng mặt trận giữa ba nước Đông Dương;
- Mặt trận trong phe dân chủ;
- Mặt trận các lực lượng tiến bộ.

3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

a) Nguyên tắc chung

- Mục tiêu và lợi ích chung;
- Có lý, có tình.

b) Nguyên tắc cụ thể

- Tùy từng giai đoạn lịch sử;
- Trên lập trường của giai cấp công nhân.

## KẾT LUẬN

- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh
- + Quan niệm rộng rãi, có nguyên tắc về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế;
- + Quan niệm về đại đoàn kết có tổ chức, có lãnh đạo.
- Ý nghĩa của việc học tập.
- + Thấy rõ vai trò, sức mạnh to lớn của đại đoàn kết; tin tưởng vào tiềm năng cách mạng của quần chúng nhân dân;
- + Đóng góp sức mình vào xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế; thật sự đoàn kết trong tập thể nhằm tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

### Chương VI

## TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

### I. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ

#### 1. Quan niệm về dân chủ

- a) Dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân;
- b) Dân chủ là cơ sở đảm bảo quyền làm chủ, các quyền cơ bản của nhân dân lao động;

- c) Dân là chủ và dân làm chủ
  - Quyền lực tối thượng trong cấu tạo quyền lực của Nhà nước là nhân dân;
  - Quyền hành và lực lượng là ở nơi dân;
  - Dân lập ra Đảng, chính quyền.
- d) Cơ chế bảo đảm quyền dân chủ: tất cả vì lợi ích của nhân dân
  - Các tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể phải phục vụ nhân dân;
  - Cán bộ, đảng viên, chính quyền làm công bộc cho nhân dân;
  - Nhân dân phải làm tròn nghĩa vụ đối với đất nước.

### 2. Thực hành dân chủ

- a) Thực hành dân chủ là động lực phát triển cách mạng;
- b) Phương thức thực hành dân chủ
  - Thực hành dân chủ rộng rãi;
  - Thực hành dân chủ thông qua các thiết chế chính trị - xã hội;
  - Thực hành dân chủ thông qua việc đề ra và thực hiện đường lối, chủ trương, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

### II. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

- 1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân

- a) Nhà nước của dân
- Xác lập quyền lực của nhân dân trong hệ thống quyền lực;
  - Các Hiến pháp do Hồ Chí Minh chỉ đạo xây dựng;
  - Các hoạt động thực tế của Hồ Chí Minh trong việc bầu cử Quốc hội.

- b) Nhà nước do dân
- Nhân dân lập ra Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp;
  - Quan niệm về chức vụ cán bộ Nhà nước là bởi dân ủy thác cho;
  - Nhân dân có quyền kiểm soát, giám sát và bãi miễn các đại biểu.

- c) Nhà nước vì dân
- Mục tiêu hoạt động của Nhà nước là tất cả vì cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân;
  - Nhà nước kết hợp các loại lợi ích khác nhau của nhân dân.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước

- a) Về bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước
- Do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;
  - Biểu hiện ở định hướng mục tiêu xã hội chủ nghĩa;

- Biểu hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản là tập trung dân chủ.

b) Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc của Nhà nước

- Cơ sở khách quan;
- Biểu hiện cụ thể.

3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ

- a) Xây dựng Nhà nước hợp pháp, hợp hiến;
- b) Hoạt động quản lý nhà nước bằng Hiến pháp và pháp luật, chú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống

- Vai trò của luật pháp trong quản lý xã hội;

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật.

c) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức, tài

- Vị trí, vai trò của cán bộ, công chức;
- Tiêu chuẩn cán bộ, công chức.

4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả

- a) Tổ chức bộ máy nhà nước phù hợp;
- b) Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước
- Các biểu hiện tiêu cực trong bộ máy nhà nước;



- Các giải pháp phòng ngừa và khắc phục.

c) Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với giáo dục đạo đức cách mạng

- Tăng cường giáo dục pháp luật;
- Tăng cường giáo dục đạo đức;
- Kết hợp giáo dục pháp luật và đạo đức, hình thành pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh.

## KẾT LUẬN

- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh.
- + Lựa chọn kiểu Nhà nước phù hợp với thực tế Việt Nam;
- + Bản chất dân chủ triệt để của Nhà nước mới;
- + Quan niệm về sự thống nhất bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước;
- + Kết hợp cả đạo đức và pháp luật trong quản lý xã hội;
- Ý nghĩa của việc học tập.
- + Thấy được vai trò của Hồ Chí Minh trong việc khơi nguồn dân chủ và xác lập Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam;
- + Nhận thức bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta;
- + Có thái độ đúng đắn trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân, tham

gia xây dựng Nhà nước trong sạch, sáng suốt, mạnh mẽ.

## Chương VII

### TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

#### I. NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh

a) Phương thức tiếp cận văn hóa;

b) Định nghĩa văn hóa của Hồ Chí Minh.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa

a) Quan điểm về vị trí và vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội

- Văn hóa là đời sống tinh thần, thuộc kiến trúc thượng tầng;

- Văn hóa không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị;

- Văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng.

b) Quan điểm về chức năng của văn hóa

- Khẳng định, nêu cao lý tưởng đúng đắn và những tình cảm cao đẹp;

- Mở rộng hiểu biết, nâng cao dân trí;
- Bồi dưỡng những phẩm chất, phong cách tốt đẹp, lành mạnh.

c) Quan điểm về tính chất của nền văn hóa

- Trong cách mạng dân tộc dân chủ: Dân tộc, khoa học và đại chúng;

- Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa: Có tính chất dân tộc và nội dung xã hội chủ nghĩa.

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa

a) Văn hóa giáo dục

- Mục tiêu của văn hóa giáo dục: Thực hiện ba chức năng của văn hóa;

- Nội dung giáo dục toàn diện;

- Phương châm, phương pháp giáo dục.

b) Văn hóa văn nghệ

- Văn hóa - văn nghệ là một mặt trận, nghệ sĩ là chiến sĩ;

- Văn nghệ phải gắn với thực tiễn của đời sống nhân dân;

- Phải có những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại mới.

c) Văn hóa đời sống

- Đạo đức mới;

- Lối sống mới;

- Nếp sống mới.

## II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

a) Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức

- Đạo đức là cái gốc của người cách mạng;

+ Hồ Chí Minh coi đạo đức là nền tảng;

+ Hồ Chí Minh coi đạo đức là sức mạnh, là tiêu chuẩn hàng đầu của người cách mạng.

- Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội

+ Sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội là ở những giá trị đạo đức cao đẹp, nhân văn;

+ Cán bộ, đảng viên của Đảng phải là một tấm gương đạo đức.

b) Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

- Trung với nước, hiếu với dân;

- Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư;

- Thương yêu con người, sống có tình nghĩa;

- Có tinh thần quốc tế trong sáng.

c) Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới

- Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức

+ Nói đi đôi với làm - chống thói đạo đức giả;

+ Phải nêu gương (tấm gương) về đạo đức.

- Xây đi đôi với chống

+ Xây: Xây dựng các giá trị, các chuẩn mực đạo đức mới;

+ Chống: Chống các biểu hiện, các hành vi vô đạo đức;

+ Xây phải đi đôi với chống.

- Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời

+ Tu dưỡng đạo đức như một cuộc cách mạng trường kỳ, gian khổ;

+ Mỗi người cần phải nhìn thẳng vào mình, phải kiên trì rèn luyện, tu dưỡng suốt đời như công việc rửa mặt hàng ngày;

+ Việc tu dưỡng đạo đức của mỗi người phải được thể hiện qua mọi hoạt động thực tiễn.

2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

a) Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh

- Xác định đúng vị trí, vai trò của đạo đức đối với cá nhân;

- Tu dưỡng đạo đức theo các phẩm chất đạo đức Hồ Chí Minh

+ Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân;

+ Cần cù, sáng tạo trong học tập;

+ Sống nhân nghĩa, có đạo lý.

- Tu dưỡng đạo đức theo các nguyên tắc đạo đức Hồ Chí Minh

+ Kiên trì tu dưỡng đạo đức cách mạng;

+ Nói và làm đi đôi với nhau;

+ Kết hợp cả xây dựng đạo đức mới với chống các biểu hiện suy thoái về đạo đức.

- Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

b) Nội dung học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

- Phương pháp học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh;

- Điều kiện đảm bảo học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

### III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người

a) Hồ Chí Minh thường nói tới con người cụ thể, lịch sử;

b) Hồ Chí Minh khẳng định bản chất con người mang tính xã hội

- Đề sinh tồn, con người phải lao động sản xuất;

- Trong quá trình lao động, sản xuất các mối quan hệ được xác lập;

- Con người vừa là chủ thể, vừa là sản phẩm của lịch sử;

- Con người là tổng hợp các quan hệ xã hội từ hẹp đến rộng.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”

a) Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người

- Con người là vốn quý nhất;

- Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng.

b) Quan điểm của Hồ Chí Minh về chiến lược “trồng người”

- “Trồng người” là yêu cầu khách quan, một chiến lược;

- Chiến lược “trồng người” là một trọng tâm, một bộ phận hợp thành của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội;

- Để thực hiện chiến lược “trồng người” phải coi trọng vai trò của giáo dục và đào tạo.

## KẾT LUẬN

- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh  
+ Đề cao vai trò của văn hóa, gắn văn hóa với phát triển;

+ Xác lập hệ thống quan điểm có giá trị xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam;

+ Đề cao vai trò của đạo đức, gắn đạo đức với sự phát triển tiến bộ của xã hội;

+ Xác lập hệ chuẩn giá trị đạo đức cho con người mới Việt Nam;

+ Coi trọng con người và xây dựng con người.

- Ý nghĩa của việc học tập

+ Thấy rõ những cống hiến kiệt xuất của Hồ Chí Minh trong lĩnh vực văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới;

+ Xác định rõ phương hướng, biện pháp học tập tư tưởng văn hóa, đạo đức, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh;

+ Nhận thức rõ biểu hiện cụ thể của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, đặc biệt là sự quan tâm đến con người;

+ Xác định con đường phấn đấu để trở thành con người mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC

Bành Tiến Long

**CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC****đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam***(ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT**ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

1. Tên môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

2. Thời lượng: 3 tín chỉ

- Nghe giảng: 70%

- Thảo luận: 30%

3. Trình độ: Dùng cho sinh viên trình độ đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Mục tiêu của môn học:

- Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

- Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải học xong môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

6. Mô tả vắn tắt nội dung: Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hóa; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

#### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Phải nghiên cứu trước giáo trình, đọc các tài liệu có liên quan đến môn học theo sự hướng dẫn của giảng viên; chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng.

- Tham dự các buổi thảo luận, các buổi lên lớp theo quy định.

#### 8. Tài liệu học tập:

- Chương trình môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, xuất bản.

- Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Các Văn kiện, nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên. Theo quy chế hiện hành về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng.

#### 10. Chương trình môn học:

### Chương mở đầu

## ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

### I. ĐỐI TƯỢNG VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

#### 1. Đối tượng nghiên cứu

a) Khái niệm đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản;

- Đường lối cách mạng của Đảng là hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam. Đường lối cách mạng của Đảng được thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị... của Đảng.

#### b) Đối tượng nghiên cứu môn học

- Đối tượng của môn học là sự ra đời của Đảng và hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng trong tiến

trình cách mạng Việt Nam - từ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.

## 2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam.

- Làm rõ quá trình hình thành, phát triển và kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trong đó đặc biệt chú trọng thời kỳ đổi mới.

## II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC

### 1. Phương pháp nghiên cứu

#### a) Cơ sở phương pháp luận

Nghiên cứu, học tập môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam phải trên cơ sở thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và các quan điểm có ý nghĩa phương pháp luận của Hồ Chí Minh.

#### b) Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic, ngoài ra có sự kết hợp các phương pháp khác như phân tích, tổng hợp, so sánh, quy nạp và diễn dịch, cụ thể hóa và trừu tượng hóa... thích hợp với từng nội dung của môn học.

### 2. Ý nghĩa của học tập môn học

a) Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đường lối của Đảng trong thời kỳ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội;

b) Bồi dưỡng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước;

c) Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chính sách của Đảng.

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLu.com

## Chương I

### SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

#### I. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ RA ĐỜI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

a) Sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản và hậu quả của nó

- Sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và chính sách tăng cường xâm lược, áp bức các dân tộc thuộc địa;

- Hậu quả chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc: Mâu thuẫn giữa các dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa đế quốc ngày càng gay gắt, phong trào đấu tranh chống xâm lược diễn ra mạnh mẽ ở các nước thuộc địa.

#### b) Chủ nghĩa Mác-Lênin

- Chủ nghĩa Mác-Lênin là hệ tư tưởng của Đảng Cộng sản;

- Chủ nghĩa Mác-Lênin được truyền bá vào Việt Nam, thúc đẩy phong trào yêu nước và phong trào công nhân phát triển theo khuynh hướng cách mạng vô sản, dẫn tới sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam.

#### c) Cách mạng Tháng Mười Nga và Quốc tế Cộng sản

- Cách mạng Tháng Mười Nga mở đầu một thời đại mới “thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc”<sup>1</sup>;

- Sự tác động của Cách mạng Tháng Mười Nga 1917 đối với cách mạng Việt Nam;

- Quốc tế Cộng sản: Đối với Việt Nam, Quốc tế Cộng sản có vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và chỉ đạo về vấn đề thành lập Đảng Cộng sản ở Việt Nam.

#### 2. Hoàn cảnh trong nước

a) Xã hội Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp

- Chính sách cai trị của thực dân Pháp;  
- Tình hình giai cấp và mâu thuẫn cơ bản trong xã hội.

b) Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

- Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản: nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử của phong trào;

- Sự khủng hoảng về con đường cứu nước và nhiệm vụ lịch sử đặt ra.

c) Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản

- Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Sự phát triển phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản; sự ra đời các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

## II. HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ĐẢNG VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

### 1. Hội nghị thành lập Đảng

a) Hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam;

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh, Toàn tập, t8, NXB, Chính trị quốc gia, H. 2002, tr562



b) Thảo luận xác định và thông qua các văn kiện của Đảng

2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (gồm các văn kiện: Chánh cương vắn tắt của Đảng; Sách lược vắn tắt của Đảng; Chương trình tóm tắt của Đảng)

a) Phương hướng chiến lược và nhiệm vụ cách mạng Việt Nam;

b) Lực lượng cách mạng;

c) Lãnh đạo cách mạng;

d) Quan hệ với phong trào cách mạng thế giới.

3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

a) Xác lập sự lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam; chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng; thống nhất tư tưởng, chính trị và tổ chức phong trào công sản Việt Nam;

b) Xác định đúng đắn con đường giải phóng dân tộc và phương hướng phát triển của cách mạng Việt Nam; giải quyết được cuộc khủng hoảng về đường lối cách mạng Việt Nam; nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam;

c) Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới, tranh

thủ được sự ủng hộ của cách mạng thế giới.

## Chương II

### ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)

#### I. CHỦ TRƯỞNG ĐẤU TRANH TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1939

1. Trong những năm 1930 - 1935

a) Luận cương Chính trị tháng 10 - 1930

- Nội dung Luận cương;

- Ý nghĩa của Luận cương.

b) Chủ trương khôi phục tổ chức đảng và phong trào cách mạng

- Đấu tranh chống khủng bố trắng;

- Chủ trương khôi phục tổ chức đảng.

2. Trong những năm 1936 - 1939

a) Hoàn cảnh lịch sử

- Tình hình thế giới;

- Tình hình trong nước.

b) Chủ trương và nhận thức mới của Đảng

- Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh;

- Nhận thức mới của Đảng về mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ.

## II. CHỦ TRƯỞNG ĐẤU TRANH TỪ NĂM 1939 ĐẾN NĂM 1945

### 1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

#### a) Tình hình thế giới và trong nước

- Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ;

- Tình hình trong nước.

#### b) Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược

- Đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu;

- Thành lập Mặt trận Việt Minh, để đoàn kết, tập hợp các lực lượng cách mạng nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc;

- Quyết định xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm.

#### c) Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược

- Về lý luận;

- Về thực tiễn.

### 2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

a) Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước và đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần

- Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước;

- Đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận.

b) Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa

- Chủ trương;

- Ý nghĩa.

c) Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc Cách mạng Tháng Tám

- Kết quả và ý nghĩa;

- Nguyên nhân thắng lợi;

- Bài học kinh nghiệm.

## Chương III

### ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945 - 1975)

#### I. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954)

1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 - 1946)

a) Hoàn cảnh lịch sử nước ta sau Cách mạng Tháng Tám

- Thuận lợi:

- Khó khăn:

b) Chủ trương “kháng chiến kiến quốc” của Đảng

- Nội dung chủ trương;
- Ý nghĩa của chủ trương.

c) Kết quả, ý nghĩa nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

- Kết quả;
- Ý nghĩa;
- Nguyên nhân thắng lợi;
- Bài học kinh nghiệm.

2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946 - 1954)

a) Hoàn cảnh lịch sử

- Thuận lợi;
- Khó khăn.

b) Quá trình hình thành và nội dung đường lối

- Đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính (1946 - 1950);

- Phát triển đường lối theo phương châm hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội (1951 - 1954).

3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

a) Kết quả và ý nghĩa thắng lợi của việc thực hiện đường lối

- Kết quả
- + Chính trị;
- + Quân sự;
- + Ngoại giao.
- Ý nghĩa
- + Trong nước;
- + Quốc tế.

b) Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

- Nguyên nhân thắng lợi;
- Bài học kinh nghiệm.

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLu.com

## II. ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954 - 1975)

1. Giai đoạn 1954 - 1964

a) Hoàn cảnh lịch sử cách mạng Việt Nam sau tháng 7 - 1954

- Thuận lợi;
- Khó khăn.

b) Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối

- Quá trình hình thành và nội dung đường lối;
- Ý nghĩa đường lối.

2. Giai đoạn 1965 - 1975

a) Hoàn cảnh lịch sử

- Thuận lợi;
- Khó khăn.

b) Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối

- Quá trình hình thành và nội dung đường lối;
- Ý nghĩa đường lối.

3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.

- a) Kết quả và ý nghĩa thắng lợi;
- b) Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.

- Công nghiệp hóa theo mô hình nền kinh tế khép kín, hướng nội và thiên về phát triển công nghiệp nặng, gắn với cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp;

- Chủ yếu dựa vào lợi thế về lao động, tài nguyên đất đai và nguồn viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa....

2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

- a) Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa;
- b) Hạn chế và nguyên nhân.

II. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Chương IV

ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA

I. CÔNG NGHIỆP HÓA THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI

1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hóa

- a) Mục tiêu và phương hướng của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa
  - Mục tiêu cơ bản của công nghiệp hóa;
  - Phương hướng của công nghiệp hóa.
- b) Đặc trưng chủ yếu của công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới

1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa

- a) Đại hội VI của Đảng phê phán sai lầm trong nhận thức và chủ trương công nghiệp hóa thời kỳ 1960 - 1986;
- b) Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa từ Đại hội VI đến Đại hội X.

2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- a) Mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa
  - Đại hội X đề ra mục tiêu công nghiệp

hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức:

- Sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển;

- Tạo nền tảng để đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

b) Quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức;

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế;

- Lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững;

- Coi phát triển khoa học và công nghệ là nền tảng, là động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

- Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

3. Nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức

a) Nội dung

- Phát triển các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức;

- Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng...

- Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý;

- Giảm chi phí trung gian, nâng cao năng suất lao động...

b) Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng và dịch vụ;

- Phát triển kinh tế vùng;

- Phát triển kinh tế biển;

- Chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ;

- Bảo vệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên.

4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a) Kết quả thực hiện đường lối và ý nghĩa;

b) Hạn chế và nguyên nhân.

## Chương V

### ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

#### I. QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI NHẬN THỨC VỀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Cơ chế quản lý kinh tế Việt Nam thời kỳ trước đổi mới

a) Cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp.

- Đặc điểm;

- Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân hạn chế của quá trình thực hiện cơ chế kế hoạch tập trung quan liêu, bao cấp.

b) Nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế

- Nhu cầu thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội;

- Các chủ trương, chính sách đổi mới từng phần từ năm 1979 đến năm 1985 và nhu cầu phải đổi mới triệt để cơ chế kế hoạch tập trung quan liêu, bao cấp.

2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới

a) Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội VI đến Đại hội VIII

- Kinh tế thị trường không phải là cái riêng có của chủ nghĩa tư bản mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại;

- Kinh tế thị trường còn tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội;

- Có thể và cần thiết sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

b) Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội IX đến Đại hội X

- Đại hội IX khẳng định: Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Đại hội X làm rõ hơn về định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta, thể hiện trên 4 tiêu chí:

#### II. TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản

a) Thẻ chế kinh tế và thẻ chế kinh tế thị trường

- Thẻ chế kinh tế;
- Thẻ chế kinh tế thị trường.

b) Mục tiêu hoàn thiện thẻ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Mục tiêu cơ bản đến năm 2020;
- Mục tiêu cụ thể đến năm 2010.

c) Quan điểm về hoàn thiện thẻ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường...;

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thẻ chế kinh tế, giữa các yếu tố thị trường...;

- Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại, kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta;

- Chủ động, tích cực giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng... vừa làm vừa tổng kết rút kinh nghiệm;

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước....

2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thẻ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

a) Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

b) Hoàn thiện thẻ chế về sở hữu và các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh;

c) Hoàn thiện thẻ chế đảm bảo đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường;

d) Hoàn thiện thẻ chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường;

e) Hoàn thiện thẻ chế về vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a) Kết quả và ý nghĩa;

b) Hạn chế và nguyên nhân.

## Chương VI

### ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

#### I. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI (1975 - 1986)

1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị của Đảng

a) Hoàn cảnh lịch sử

- Thuận lợi;
- Khó khăn.

b) Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị

- Cơ sở hình thành chủ trương;
- Nội dung chủ trương xây dựng hệ thống chính trị.

2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a) Kết quả và ý nghĩa;

b) Hạn chế và nguyên nhân.

## II. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ THỜI KỲ ĐỔI MỚI

1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị

a) Cơ sở hình thành đường lối

- Yêu cầu của công cuộc đổi mới kinh tế;
- Yêu cầu giữ vững ổn định chính trị - xã hội, mở rộng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa;
- Yêu cầu mở rộng đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế;
- Yêu cầu khắc phục những yếu kém, khuyết điểm của hệ thống chính trị nước ta trước đổi mới.

b) Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng hệ thống chính trị

- Sử dụng khái niệm hệ thống chính trị thay thế khái niệm hệ thống chuyên chính vô sản;

- Nhận thức rõ hơn về cơ cấu và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị ở nước ta;

- Nhận thức rõ hơn về yêu cầu dân chủ hóa đời sống xã hội;

- Đổi mới nhận thức về Nhà nước và Nhà nước pháp quyền;

- Nhận thức rõ hơn về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị.

2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới

a) Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị

- Mục tiêu;
- Quan điểm.

b) Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị

- Xây dựng Đảng trong hệ thống chính trị;

- Xây dựng Nhà nước trong hệ thống chính trị;



- Xây dựng Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị.

3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a) Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa;

b) Hạn chế và nguyên nhân.

## Chương VII

### ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA; GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

#### I. QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ NỘI DUNG ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA

1. Thời kỳ trước đổi mới

a) Quan điểm, chủ trương về xây dựng nền văn hóa mới

- Trong những năm 1943 - 1975;

- Trong những năm 1975 - 1986.

b) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

- Kết quả và ý nghĩa;

- Hạn chế và nguyên nhân.

2. Trong thời kỳ đổi mới

a) Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hóa

- Trong những năm 1986 - 1995;

- Trong những năm 1996 - 2008.

b) Quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển nền văn hóa

- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội;

- Nền văn hóa mà ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;

- Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc;

- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng;

- Văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng;

- Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ được coi là quốc sách hàng đầu.

c) Chủ trương xây dựng và phát triển nền văn hóa

- Phát triển văn hóa gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội;

- Làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội;

- Bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, mở rộng giao lưu, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại;

- Đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao;

- Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ;

- Xây dựng và hoàn thiện các giá trị mới và nhân cách con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

d) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

- Kết quả và ý nghĩa;

- Hạn chế và nguyên nhân.

## II. QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ CHỦ TRƯỞNG GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

### 1. Thời kỳ trước đổi mới

a) Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội

- Trong những năm chiến tranh;

- Trong những năm xây dựng hòa bình.

b) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

- Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa;

- Hạn chế và nguyên nhân.

### 2. Trong thời kỳ đổi mới

a) Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội

- Trong những năm 1986 - 1995;

- Trong những năm 1996 - 2008.

b) Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội

- Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội;

- Xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng chính sách phát triển;

- Chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ;

- Coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI) và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội.

c) Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội

- Khuyến khích mọi người dân làm

giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả các mục tiêu xóa đói giảm nghèo;

- Bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khỏe...;

- Phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả;

- Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe và cải thiện giống nòi;

- Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình;

- Chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội;

- Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng.

d) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

- Kết quả và ý nghĩa;

- Hạn chế và nguyên nhân.

## Chương VIII

### ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI

#### I. ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI (1975 - 1985)

##### 1. Hoàn cảnh lịch sử

a) Tình hình thế giới

- Đặc điểm và xu thế quốc tế;

- Tình hình các nước xã hội chủ nghĩa.

b) Tình hình trong nước

- Thuận lợi;

- Khó khăn.

2. Chủ trương đối ngoại của Đảng

a) Nhiệm vụ đối ngoại;

b) Chủ trương đối ngoại với các nước.

3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a) Kết quả và ý nghĩa;

b) Hạn chế và nguyên nhân.

#### II. ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI, HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ THỜI KỲ ĐỔI MỚI

1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối

a) Hoàn cảnh lịch sử

- Tình hình thế giới từ thập kỷ 80, thế kỷ XX đến nay (đặc điểm thế giới; các xu thế quốc tế);

- Yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam (phá thế bị bao vây, cấm vận; chống tụt hậu về kinh tế).

b) Các giai đoạn hình thành, phát triển đường lối

- Giai đoạn (1986 - 1996): xác lập đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế;

- Giai đoạn (1996 - 2008): bổ sung và hoàn chỉnh đường lối đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế

a) Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo

- Cơ hội và thách thức;
- Mục tiêu, nhiệm vụ;
- Tư tưởng chỉ đạo.

b) Một số chủ trương, chính sách về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế

- Đưa các quan hệ đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững;
- Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp;
- Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế phù hợp với các nguyên tắc, quy định của WTO;
- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy nhà nước;
- Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế;

- Giải quyết tốt các vấn đề văn hóa, xã hội và môi trường trong quá trình hội nhập;

- Giữ vững và tăng cường quốc phòng, an ninh trong quá trình hội nhập;

- Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại;

- Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại.

3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a) Thành tựu và ý nghĩa

- Thành tựu

+ Phá thế bị bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Giải quyết hòa bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan;

+ Mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa (thiết lập, mở rộng quan hệ với các nước, tham gia tích cực tại Liên hợp quốc...);

+ Tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế (tham gia AFTA, APEC, WTO);

+ Thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học công nghệ và kỹ năng quản lý;

+ Từng bước đưa hoạt động của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế vào môi trường cạnh tranh;

- Ý nghĩa

+ Kết hợp nội lực với ngoại lực, hình thành sức mạnh tổng hợp góp phần đưa đến những thành tựu kinh tế to lớn;

+ Giữ vững, củng cố độc lập tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa;

+ Nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

b) Hạn chế và nguyên nhân

- Trong quan hệ với các nước, nhất là các nước lớn chúng ta còn lúng túng, bị động...;

- Một số chủ trương, cơ chế, chính sách chậm được đổi mới so với yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế; luật pháp, chính sách quản lý kinh tế - thương mại chưa hoàn chỉnh;

- Chưa hình thành được một kế hoạch tổng thể và dài hạn về hội nhập kinh tế quốc tế và một lộ trình hợp lý cho việc thực hiện các cam kết;

- Doanh nghiệp nước ta còn yếu cả về sản xuất, quản lý và khả năng cạnh tranh;

- Đội ngũ cán bộ công tác đối ngoại còn thiếu và yếu; công tác tổ chức chỉ đạo chưa sát và chưa kịp thời./.

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLu.com

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC

Bành Tiến Long